

Số: 92 /BC-UBND

Nga Sơn, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO

**Sơ kết thực hiện cải cách hành chính giai đoạn I(2011-2015) và đề xuất
phương hướng nhiệm vụ CCHC giai đoạn II(2016-2020)**

PHẦN THỨ NHẤT

SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN I (2011-2015)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1) Kết quả chủ yếu đạt được

1.1. Phổ biến, quán triệt chương trình tổng thể.

Công tác cải cách hành chính được huyện Nga Sơn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, do vậy các chương trình, kế hoạch, văn bản về cải cách hành chính được phổ biến, quán triệt đầy đủ đến các đối tượng liên quan. Từ năm 2011-2015, Chủ tịch UBND huyện và các cơ quan chuyên trách cải cách hành chính của huyện đã tổ chức nhiều đợt quán triệt và tổ chức cho cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc cải cách hành chính và lãnh đạo UBND cấp huyện tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do Sở Nội vụ tổ chức.

Đến nay, đa số cán bộ, công chức đã nắm được nội dung cải cách hành chính nhà nước; phần lớn người đứng đầu cơ quan hành chính nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm và quan tâm tổ chức thực hiện.

1.2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính: UBND, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành đầy đủ các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, sở Nội vụ. Trong đó có các chương trình, kế hoạch lớn như: Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính hàng năm, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện, kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, kế hoạch xác định chỉ số CCHC vv...

Trên cơ sở chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của huyện, các đơn vị trên địa bàn huyện đã ban hành kế hoạch thực hiện cải cách hành chính hàng năm.

Các chương trình, kế hoạch đã ban hành đều thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung hoạt động cải cách hành chính, thời hạn, cơ quan thực hiện và cơ quan chịu trách nhiệm điều hành, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

- Xây dựng các văn bản liên quan đến việc triển khai, thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính

UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính đã ban hành. Trong đó, UBND, Chủ tịch UBND huyện ban hành và tổ chức thực hiện nhiều văn bản như: Kế hoạch, Công văn chỉ đạo về thực hiện công tác cải cách hành chính; thực hiện một số việc phải làm ngay để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước; giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; vv.

- UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị trong huyện: Thực hiện đồng bộ các nội dung CCHC đã được xác định, các đơn vị được giao chủ trì các nội dung trong kế hoạch tiến hành thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Định kỳ hàng quý, kết hợp tại các hội nghị UBND để đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC nói chung, cải cách thủ tục hành chính nói riêng trên địa bàn huyện.

- Công tác thi đua, khen thưởng: Chủ tịch UBND huyện luôn quán triệt đến người đứng đầu cơ quan đối với công tác CCHC, tăng cường giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức; gắn thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng cuối năm, kiên quyết xử lý đối với những tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành vi gây khó khăn, phiền hà khi giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

1.3. Kiểm tra thực hiện cải cách hành chính

Hàng năm, hoạt động thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính đều được ghi cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác của UBND huyện, Thanh tra huyện. Từ năm 2011 đến nay, đã thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại 28 đơn vị trên địa bàn huyện.

Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung chủ yếu vào việc tổ chức thực hiện kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện về cải cách hành chính, thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, thực thi công vụ của các cơ quan quản lý hành chính. Qua kiểm tra nhằm đánh giá đúng công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung cải cách hành chính của từng đơn vị một cách khách quan, trung thực; đánh giá vai trò trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc thực hiện cải cách hành chính; phát huy ưu điểm, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại hạn chế và những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra những chủ trương, giải pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trong thời gian tới.

1.4. Thông tin, truyền thông

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính luôn được các cấp, các ngành quan tâm

Công tác tuyên truyền đã được UBND huyện xây dựng trong nội dung kế hoạch CCHC, kế hoạch tuyên truyền hàng năm bằng các hình thức như:

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính trên phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của huyện.

- Đưa tin, bài về thực hiện công tác cải cách hành chính trên Đài Truyền thanh huyện, hệ thống loa truyền thanh của các xã, thị trấn.

- Thông qua các hội nghị.

- Niêm yết công khai các thủ tục hành chính, phí, lệ phí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, xã.

Đặc biệt, tại cơ quan UBND huyện là đơn vị đầu tiên ứng dụng phần mềm tin học vào việc giải quyết TTHC nên công tác tuyên truyền đã được chú trọng; Từ năm 2012 đến nay, Đài truyền thanh huyện đã thực hiện chuyên mục “Những điều nhân dân cần biết” để phổ biến, giới thiệu về mô hình một cửa điện tử hỗ trợ giải quyết TTHC, trả lời những băn khoăn kiến nghị của công dân.

Nhìn chung, đến nay phần lớn người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã biết, biểu thị sự đồng tình, ủng hộ các hoạt động cải cách hành chính của huyện.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành chưa thật sự đồng bộ, thường xuyên;
- Một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thể hiện rõ sự quan tâm, trách nhiệm đối với công tác cải cách hành chính, còn phó mặc cho cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc;
- Đội ngũ tham mưu, giúp việc cải cách hành chính tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu, việc làm kiêm nhiệm đã ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.
- Kinh phí cải cách hành chính còn nhiều khó khăn.

II. SƠ KẾT, ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ.

1. Cải cách thể chế.

1.1. Kết quả chủ yếu đạt được

- Chủ tịch UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trên địa bàn huyện đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Rà soát và ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính. Hầu hết các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền và bảo đảm về nội dung, thể thức theo quy định của pháp luật.

Hàng năm phòng tư pháp huyện tham mưu cho UBND huyện trong công tác kiểm tra, rà soát các văn bản đã được ban hành của các đơn vị. Qua rà soát, không có văn bản nào ban hành sai thẩm quyền hoặc có nội dung trái với văn bản cấp trên.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật: Văn phòng HĐND&UBND là đơn vị được giao trách nhiệm thường xuyên đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi các văn bản được ban hành, các đơn vị trên địa bàn huyện được phân công nhiệm vụ đã tổ chức thực hiện theo đúng lộ trình, nội dung.

Việc xây dựng, ban hành thể chế được chính quyền các cấp huyện, cấp xã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Những văn bản phạm vi điều chỉnh rộng thực hiện khá tốt việc khảo sát, lấy ý kiến đối tượng chịu sự điều chỉnh bởi thể chế sẽ ban hành. Các thể chế do HĐND, UBND huyện ban hành đều đăng tải đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND một số xã, thị trấn chất lượng chưa cao, chưa xác định công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật là công tác thường xuyên nên không kịp thời loại bỏ những văn bản hết hiệu lực, không phù hợp.

Chưa tập trung đẩy mạnh cải cách văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa đựng quy phạm pháp luật; các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

- Nguyên nhân: việc nghiên cứu xây dựng văn bản chưa thường xuyên và cập nhật các văn bản chưa kịp thời.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Sau khi UBND tỉnh công bố Bộ TTHC chung áp dụng tại cấp huyện (gồm 221 TTHC) và cấp xã (gồm 201 TTHC), huyện đã tiến hành rà soát, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, ngoài lĩnh vực Thanh tra và Giáo dục đào tạo chưa đưa vào thực

hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, UBND huyện đã lựa chọn và đưa 166 TTTC phù hợp áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND huyện thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; ban hành mới thuộc các lĩnh vực quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Cho đến hiện nay, UBND tỉnh đã công bố, sửa đổi bổ sung, ban hành mới TTTC đưa số lượng TTTC cấp huyện lên 267 thủ tục. Tuy nhiên, do chưa liên hệ được với công ty cài đặt dữ liệu nên hiện tại số TTTC mới chưa được thực hiện trên phần mềm giải quyết TTTC. Trên cơ sở TTTC được công bố, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị rà soát và đưa vào thực hiện trong quản lý nhà nước 227 TTTC.

Với UBND các xã, thị trấn Bộ TTTC thực hiện hiện tại là 190 TTTC. Tùy điều kiện từng xã đã đưa số lượng TTTC phù hợp vào thực hiện tại bộ phận một cửa.

Tại cấp huyện và cấp xã đã thực hiện nghiêm túc các TTTC và các quy định thực hiện TTTC tại bộ TTTC chung áp dụng tại cấp huyện, cấp xã.

b) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, ủy ban nhân dân huyện đã triển khai quán triệt và chỉ đạo nội dung Nghị định đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và 27 xã, thị trấn trên địa bàn.

Việc thống kê, tập hợp, rà soát các TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện đã được chú trọng và thực hiện thường xuyên; thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND tỉnh và thực tế tại đơn vị.

- Hiện nay tất cả các đơn vị từ cấp huyện đến xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai bộ TTTC. 100% các xã, thị trấn đã niêm yết công khai tại phòng tiếp dân của xã. Đối với bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả huyện, các thủ tục hành chính đang thực hiện được niêm yết công khai bằng 2 hình thức: Niêm yết tại phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện Nga Sơn.

- Về triển khai thực hiện Nghị định 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính:

Tại trụ sở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đều có hòm thư góp ý thực hiện tiếp nhận ý kiến của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính. UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện đăng tải công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên trang thông tin điện tử của huyện để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP. Tuy nhiên trong kỳ, UBND huyện không nhận được bất kỳ một phản ánh, kiến nghị nào của các tổ chức, cá nhân liên quan đến các quy định hành chính.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

UBND huyện đã triển khai thực hiện nghiêm túc cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các đơn vị trên địa bàn huyện. Cho đến nay, các đơn vị trên địa bàn huyện đã kiện toàn tổ chức bộ máy và đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Đến nay hoạt động của bộ phận này đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Số cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế một cửa: 29 đơn vị (27 xã, thị trấn, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội)

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa
- + Cấp huyện: 166 TTTC
- + Cấp xã: Bình quân 133 TTTC
- Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định:

- + Cấp huyện: 3 đơn vị
- + Cấp xã, thị trấn: 8 đơn vị

2.2 Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tồn tại:

- + Số công việc đưa vào thực hiện cơ chế một cửa ở các xã, thị trấn trong huyện còn hạn chế.

- + Cơ sở vật chất còn thiếu, chưa phù hợp thực tiễn. Hầu hết bộ phận một cửa các xã vẫn chung nơi làm việc với các phòng chuyên môn ảnh hưởng tới quy định tiếp nhận, trả kết quả và chất lượng giải quyết công việc; chưa có đơn vị nào ứng dụng phần mềm hỗ trợ giải quyết TTTC “Một cửa, một cửa liên thông”.

- + Cán bộ làm việc tại bộ phận một cửa tại các đơn vị còn kiêm nhiệm nhiều công tác khác nên chưa tập trung cho nhiệm vụ cải cách hành chính, kỹ năng hành chính, kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ còn hạn chế.

- Nguyên nhân:

- + Nguyên nhân chủ quan là trách nhiệm của người đứng đầu của một số đơn vị trong chỉ đạo thực hiện chưa quyết liệt, triệt để, phương pháp chưa đủ mạnh, nỗ lực trong quan hệ. Các xã, thị trấn khó khăn trong việc bố trí cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân, một số cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

- + Chế độ chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc ở bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” hầu như chưa phù hợp, vì vậy chưa phát huy được tinh thần, trách nhiệm cao với nhiệm vụ được phân công.

3. Cải cách tổ chức bộ máy.

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị

- Đối với cơ quan UBND huyện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc :

Năm 2011, UBND huyện đã ban hành Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND huyện. Năm 2012 ban hành quy định tiêu chuẩn các chức danh cho công chức xã Trên cơ sở đó, UBND huyện đã giao biên chế đến từng phòng chuyên môn, từng đơn vị, cơ bản bố trí sắp xếp cán bộ, công chức theo vị trí việc làm trên cơ sở nhu cầu giải quyết công việc. Hàng năm, tiếp tục rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế, cơ quan, đơn vị trực thuộc. Kết quả như sau:

- + UBND huyện đã thực hiện nghiêm túc và đảm bảo quy định về tổ chức bộ máy, hạn chế được tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- + Công tác quản lý biên chế được tuân thủ nghiêm ngặt, trong năm 2012, 2013, 2014, 2015 không tuyển dụng thêm biên chế ở cấp tiểu học, THCS. Tổng số biên chế công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện được duy trì ổn định.

- Đối với các xã, thị trấn

UBND huyện đã thực hiện việc tuyển dụng, bố trí cán bộ công chức cấp xã đảm bảo theo Nghị định 92/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định 619/QĐ-UBND

của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đến nay, bộ máy cán bộ, công chức cấp xã đã sắp xếp, bố trí ổn định phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

b) Về phân cấp quản lý

Thực hiện Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2007 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức; Quyết định 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa v/v ban hành quy định điều động, chuyển chuyên, tiếp nhận và tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập; UBND huyện đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, nâng lương, chuyển xếp lương, phê chuẩn, ... theo đúng quy định của UBND tỉnh. Đồng thời định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Tồn tại: Bộ máy các cơ quan đơn vị đã được sắp xếp biên chế đảm bảo chỉ tiêu tinh gọn, tuy nhiên số lượng còn thiếu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Nguyên nhân: Do chỉ tiêu biên chế tỉnh giao thấp.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Năm 2013, UBND huyện đã xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm cho các đơn vị sự nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước theo tinh thần Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012, Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Theo đó, đã xác định rõ vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức, làm căn cứ để giao chỉ tiêu biên chế cũng như thực hiện tuyển dụng, bố trí cán bộ công chức hàng năm.

b) Về thực hiện các quy định về quản lý CB,CC, VC.

UBND huyện tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn. Thực hiện việc triển khai quy tắc ứng xử cho cán bộ công chức, quy chế văn hóa công sở cho tất cả các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp.

Đối với cơ quan UBND huyện, tháng 3/2014 Thủ trưởng cơ quan đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-CQUBND quy định về việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm cụ thể hóa một số nội dung trong quy chế hoạt động của cơ quan UBND huyện.

Đối với cấp xã: Ngày 25/4/2012, UBND huyện đã ban hành Quy định bổ sung và cụ thể hóa các nhiệm vụ của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn trên địa bàn huyện Nga Sơn.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức kịp thời, đảm bảo đúng quy định, huyện đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức như: giải quyết nghỉ chế độ, nghỉ BHXH, nâng lương,...

c) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Để đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới, từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã cử: 02 cán bộ đi đào tạo trình độ thạc sỹ; Quản lý tốt lớp ĐHQKT&QTKD đào tạo cho 89 cán bộ, công chức (trong đó có 84 cán bộ, công chức xã và 5 cán bộ huyện) đã hoàn thành chương trình học và đã được cấp bằng.

Công tác bồi dưỡng: Trong các năm từ 2011 đến nay, UBND huyện đã cử công chức cấp xã đi học bồi dưỡng theo kế hoạch của Sở Nội vụ đối với từng chức danh gồm 14 chức danh: Công chức Tài chính-Kế toán, văn hóa-Xã hội, Văn phòng-Thống kê, Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, Chủ tịch HĐND chuyên trách, Bí thư Đoàn thanh niên, phó Chủ tịch HĐND và một số lớp bồi dưỡng nghiệp vụ khác như: Bồi dưỡng nghiệp vụ cải cách thủ tục hành chính, nghiệp vụ công tác thanh niên, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về biển đảo và du lịch, ...

Ngoài ra, UBND huyện đã cử **572** cán bộ, công chức, viên chức đi tập huấn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo theo yêu cầu, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là cán bộ, công chức cấp xã. Đồng thời quan tâm đào tạo trình độ sau đại học cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức huyện, gắn đào tạo với bố trí, sử dụng tránh lãng phí, góp phần phát huy hiệu quả sau đào tạo.

d) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức.

Năm 2011, thực hiện Quyết định 798 của UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện Nga Sơn đã tuyển dụng 70 công chức có trình độ đại học chính quy, bổ sung cho bộ máy chính quyền cấp xã hướng tới đạt chuẩn cho bộ máy chính quyền cấp cơ sở.

Ngày 28/02/2014, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Kế hoạch số 13/KH-UBND về luân chuyển vị trí công tác đối với công chức chuyên môn xã, thị trấn. Số lượng cán bộ, công chức viên chức được chuyển đổi vị trí công tác đầu năm 2014 gồm 28 người thuộc 2 chức danh: Địa chính-Xây dựng và Tư pháp-Hộ tịch.

Đến nay, bộ máy cán bộ, công chức cơ bản ổn định, cán bộ được luân chuyển đã tiếp cận và cơ bản hoàn thành công việc được giao.

đ) Về cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số cán bộ công chức cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện là 422 người. Trong đó: Đại học: 191 người, cao đẳng: 24 người, Trung cấp: 207 người.

Từ năm 2011 đến nay có 505 cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và được tập huấn.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại:

- + Chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức chưa đồng đều
- + Chưa xây dựng được đề án vị trí việc làm tại các đơn vị cấp xã.
- + Kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi thực hiện chưa thường xuyên
- + Đánh giá năng lực của cán bộ, công chức, viên chức chưa quyết liệt, tình trạng nể nang trong nhận xét, đánh giá vẫn còn

- Nguyên nhân:

- + Ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hàng năm còn hạn chế ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của từng đơn vị.

+ Trách nhiệm quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức của một số đơn vị chưa nghiêm khắc.

5. Căn cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) UBND huyện đã quyết toán kịp thời các chương trình mục tiêu hàng năm với tỉnh, giải ngân các chương trình mục tiêu bổ sung mới, đặc biệt là các chế độ chính sách liên quan đến con người và an sinh xã hội.

Kịp thời triển khai thực hiện các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

b) * Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước

- Số lượng cơ quan thực hiện tự chủ:

+ Các cơ quan thực hiện tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính là 35 đơn vị gồm: 27 xã, thị trấn và 8 cơ quan (Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội LHPN, Huyện đoàn, Mặt trận tổ quốc, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân).

+ Căn cứ chỉ tiêu được giao, các đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế hợp lý, bố trí cán bộ, công chức linh hoạt theo hướng căn cứ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức để bố trí đảm nhận các vị trí công việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Hầu hết các cơ quan đều sử dụng biên chế bằng biên chế được UBND tỉnh giao.

- Xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công: Để thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, các đơn vị đã xây dựng và công bố công khai chế độ quản lý tài chính và chế độ chi tiêu nội bộ của đơn vị để tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi.

*. Kết quả thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện quản lý được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ - CP của Chính phủ là 91 đơn vị. Trong đó:

+ Tự trang trải một phần chi hoạt động thường xuyên: 58 đơn vị gồm: Trung tâm GDTX, Khôi trường Mầm non, Khôi trường THCS, Trung cấp nghề, Nhà văn hóa Thanh thiếu nhi, Trạm khuyến nông.

+ Do toàn bộ ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên: 33 đơn vị gồm: Trung tâm BDCT, Phòng Giáo dục & ĐT, Đài truyền thanh, Trung tâm văn hóa TDDT và các trường tiểu học trong huyện.

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đã tạo điều kiện cho đơn vị chủ động sắp xếp biên chế, tổ chức hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, chủ động phân bổ nguồn tài chính theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả góp phần thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong tổ chức sắp xếp công việc, nhân sự và chi tiêu tài chính.

5.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tồn tại: Công tác đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số-kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao còn hạn chế.

- Nguyên nhân: Việc tuyên truyền, vận động đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực chưa thường xuyên.

6. Hiện đại hoá nền hành chính.

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được.

a) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Tại cấp huyện và cấp xã đều sử dụng máy tính trong hoạt động quản lý nhà nước. Một số phòng ban trong cơ quan đã sử dụng các phần mềm ứng dụng trong giải quyết công việc như: Phần mềm kế toán, phần mềm quản lý đất đai, phần mềm giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, phần mềm quản lý biên chế giáo dục. Các máy tính hầu hết đã được kết nối mạng Internet. Mỗi cán bộ, công chức đều có hộp thư điện tử riêng và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử trong giao dịch công việc. Trang thông tin điện tử của UBND huyện hoạt động đã và đang đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác chỉ đạo điều hành cũng như thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với tổ chức, công dân; Tại cơ quan UBND huyện đã có 166 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1 và 2.

b) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001-2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước: Sau khi UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 3403/QĐ- UBND ngày 27/9/2010 về ban hành kế hoạch triển khai áp dụng hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2013, UBND huyện đã từng bước triển khai xây dựng thực hiện:

Ngày 27/5/2011 Ban chỉ đạo thực hiện ISO 9001:2008 của huyện đã tiến hành ký HĐ số 26/2011/HĐ-TV với Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Thanh Hóa trong việc tư vấn triển khai xây dựng và đi đến chứng nhận Hệ thống QLCL phù hợp yêu cầu Tiêu chuẩn TCVN 9001: 2008 tại cơ quan UBND huyện Nga Sơn.

Trong quá trình thực hiện việc áp dụng, Cơ quan UBND huyện đã phối hợp chặt chẽ với tư vấn tiến hành xây dựng hệ thống tài liệu gồm:

- Sổ tay chất lượng; Mục tiêu chất lượng; Chính sách chất lượng;

- Các quy trình nội bộ: 10 Quy trình;

- Các Quy trình xử lý công việc theo gói thủ tục hành chính: 166 quy trình

Ngày 04/6/2012 Tổng cục TC- ĐL- CL đã ra Quyết định số 956/QĐ - TĐC cấp Giấy chứng nhận: “ Hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa trong hoạt động: Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và giải quyết Thủ tục hành chính trên địa bàn huyện; đã được đánh giá phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008

c) Tình hình xây dựng trụ sở làm việc của các xã, thị trấn:

Việc đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan hành chính cấp xã tiếp tục được thực hiện theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay trụ sở làm việc tại các xã, thị trấn cơ bản đã được kiên cố hóa, tuy nhiên có những trụ sở đã được xây dựng từ lâu nên hiện nay đã xuống cấp như công sở xã: Nga Thủy, Nga Bạch, Ba Đình, Nga Giáp, Nga Thái.

6.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Tồn tại:

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư nhưng chưa đồng đều, còn thiếu so với yêu cầu.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan chưa đồng bộ, nhất là cấp xã.

+ Mạng nội bộ của các đơn vị chưa tốt, ảnh hưởng đến giải quyết công việc.

- Nguyên nhân:

+ Không đảm bảo kinh phí xây dựng, lắp đặt thiết bị

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm.

Công tác cải cách hành chính Nhà nước đã được các cấp uỷ, chính quyền, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo và đã đạt kết quả trên tất cả các nhiệm vụ:

- Thể chế hành chính ngày càng được đổi mới, đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục tạo được nhiều chuyển biến tích cực: Thủ tục hành chính được công khai. Giải quyết công việc theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” đảm bảo về thời gian, quy trình tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân đến giao dịch. Số hồ sơ giải quyết thông qua bộ phận “một cửa” ngày một tăng, niềm tin của tổ chức và công dân vào giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế này ngày một nâng lên.

- Các cơ quan chuyên môn cấp huyện được sắp xếp hợp lý, quy định rõ chức năng nhiệm vụ đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Trách nhiệm, thái độ của đại bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ được nâng lên rõ rệt, chất lượng giải quyết công việc đảm bảo.

- Tài chính công được công khai, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị đã đi vào hoạt động có hiệu quả, đã làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và bộ phận tham mưu giúp việc của từng cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

2. Tồn tại yếu kém.

- Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND một số xã, thị trấn chất lượng chưa cao, chưa xác định công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật là công tác thường xuyên nên không kịp thời loại bỏ những văn bản hết hiệu lực, không phù hợp.

- Trong chỉ đạo thực hiện vẫn còn một số xã thiếu quan tâm đến công tác cải cách hành chính; Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản cải cách hành chính (như: kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch CCHC...), thực hiện văn bản của cấp trên chưa kịp thời. Công tác đánh giá và khắc phục những tồn tại, hạn chế chưa thường xuyên và quyết liệt.

- Số công việc đưa vào thực hiện cơ chế một cửa ở các xã, thị trấn trong huyện còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất còn thiếu, chưa phù hợp thực tiễn. Hầu hết bộ phận một cửa các xã vẫn chung nơi làm việc với các phòng chuyên môn ảnh hưởng tới quy định tiếp nhận, trả kết quả và chất lượng giải quyết công việc; chưa có đơn vị nào ứng dụng phần mềm hỗ trợ giải quyết TTHC “Một cửa, một cửa liên thông”.

- Cán bộ làm việc tại bộ phận một cửa tại các đơn vị còn kiêm nhiệm nhiều công tác khác nên chưa tập trung cho nhiệm vụ cải cách hành chính, kỹ năng hành chính, kỹ năng giao tiếp trong thực thi công vụ còn hạn chế.

- Công tác thông tin, báo cáo không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng và thời gian đã ảnh hưởng đến công tác tổng hợp và tham mưu trong chỉ đạo, điều hành của UBND huyện.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan là trách nhiệm của người đứng đầu của một số đơn vị trong chỉ đạo thực hiện chưa quyết liệt, triệt để, phương pháp chưa đủ mạnh, nỗ lực trong quan hệ. Các xã, thị trấn khó khăn trong việc bố trí cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân, một số cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chưa có sự chuyển biến thật sự đồng bộ trong nhận thức của một số cán bộ về tính cấp thiết, tầm quan trọng, vai trò, ý nghĩa của CCHC đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như sự gắn bó mật thiết của CCHC với phòng chống tham nhũng, quan liêu và nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính.

Việc tiếp cận dịch vụ hành chính của tổ chức, công dân còn hạn chế do không tìm hiểu kỹ, nắm vững trình tự giải quyết, thành phần hồ sơ trước khi nộp hồ sơ tại cơ quan hành chính nhà nước. Mặt khác, một số quy định hành chính không phù hợp với thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân (như: một số TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, lao động)

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” đang còn nhiều bất cập. Tại nhiều UBND cấp xã bố trí phòng làm việc bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” chưa đảm bảo về diện tích, trang thiết bị làm việc, thậm chí nhiều đơn vị còn bố trí phòng làm việc bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” cũng là phòng tiếp dân, phòng làm việc của công chức chuyên môn,...

- Chế độ chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc ở bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả” chưa phù hợp, vì vậy chưa phát huy được tinh thần, trách nhiệm cao với nhiệm vụ được phân công.

PHẦN THỨ HAI

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020.

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, chuyên nghiệp, từng bước hiện đại đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hệ thống hành chính nhà nước từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội; củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Các mục tiêu cụ thể.

1. Cải cách thể chế

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn.

Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trước hết là cải tiến quy trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ và khả thi của hệ thống văn bản; thực hiện đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật trước và sau khi ban hành; nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Công khai, minh bạch về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định pháp luật, người dân, tổ chức, doanh nghiệp hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính.

Đến năm 2020, có ít nhất 90% tổ chức, doanh nghiệp, người dân hài lòng với việc công khai, minh bạch và sự công tâm trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, đánh giá đơn giản hóa nâng cao chất lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan từ huyện đến xã các lĩnh vực: địa chính, tư pháp hộ tịch, chính sách xã hội, ... Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

Công bố cập nhật tất cả thủ tục hành chính ban hành mới và được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ, bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện.

- Phát huy kết quả đạt được của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác giải quyết, kiểm soát TTHC tại các xã, thị trấn

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các đơn vị trên địa bàn huyện, UBND cấp xã đảm bảo quy chuẩn và định mức biên chế, khắc phục chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống nhiệm vụ.

Đến năm 2020, có ít nhất 90%, cán bộ, công chức được hỏi ý kiến, cho rằng: Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, trách nhiệm của cơ quan và từng vị trí công việc trong cơ quan đã được quy định rõ ràng, đúng chức năng của các cơ quan hành chính nhà nước;

- Thực hiện đổi mới phương thức làm việc, quản lý, đánh giá thực hiện công vụ dựa vào kết quả đầu ra và chất lượng thực hiện các chỉ tiêu về mục tiêu, nhiệm vụ và tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, công tâm, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện thực nhiệm vụ, được các tầng lớp nhân dân trong xã hội tin tưởng.

Đến năm 2020 có ít nhất 80% lãnh đạo từ huyện đến cơ sở cho rằng cán bộ, công chức đủ năng lực thực thi nhiệm vụ, làm việc có hiệu quả.

- Đổi mới nâng cao tính cạnh tranh trong tuyển dụng, nâng ngạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức.

- Đổi mới công tác đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với công chức, viên chức vi phạm kỷ luật lao động, đạo đức công vụ.

- Rà soát, đánh giá nhân lực; sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý (đặc biệt cán bộ làm công tác CCHC); tăng cường bồi dưỡng, tập huấn đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính để nâng cao năng lực tham mưu giúp việc quản lý thực hiện nhiệm vụ CCHC.

5. Cải cách tài chính công

- Hoàn thiện các quy định về quản lý tài chính thuộc thẩm quyền của UBND huyện theo quy định của nhà nước.

- Đổi mới cơ chế kiểm soát chi ngân sách đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

6. Hiện đại hóa hành chính

- Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc tại các cơ quan trên địa bàn huyện (nhất là cấp xã).

Đến năm 2020, 90% các xã trên địa bàn huyện ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng phương án cải tạo, xây dựng mới các công sở ở các đơn vị chưa có công sở hiện đại đáp ứng yêu cầu công việc.

- Tăng cường bổ sung trang thiết bị cho bộ phận một cửa (đặc biệt cấp xã) theo hướng hiện đại đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ các phòng làm việc, phòng đón tiếp công dân theo hướng thuận tiện.

7. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống truyền thanh và thực hiện niêm yết công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính ở các công sở.

3. Tổ chức thực hiện.

Phòng Nội vụ cụ thể hóa thành Kế hoạch hành động, Kế hoạch giám sát theo từng năm trình UBND huyện xem xét, phê duyệt; hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện và kế hoạch giám sát đánh giá dựa theo kết quả cuối cùng.

Các cơ quan, ban ngành, UBND cấp xã xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết việc thực hiện từng nội dung, công việc được giao. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn của cấp trên.

PHẦN THỨ BA
NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. KIẾN NGHỊ.

1. Đề nghị Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí để các địa phương có điều kiện đầu tư xây dựng phòng làm việc, trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (đặc biệt cho cấp xã).

2. Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu hướng dẫn bố trí biên chế chuyên trách cải cách hành chính; có chính sách khuyến khích, động viên cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác cải cách hành chính.

3. Đề nghị Sở Tài chính: Chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất việc bố trí kinh phí CCHC hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước. Trường hợp ngân sách cấp dưới không có khả năng tự cân đối, cần cân đối bổ sung từ ngân sách cấp trên (thời gian qua, những địa phương hầu như không bố trí được kinh phí để thực hiện)./.

II. ĐỀ XUẤT KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng đối với tập thể.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Nga Sơn
- UBND Thị trấn Nga Sơn

2. Khen thưởng đối với cá nhân:

1. Đ/c: Phạm Anh Tuấn-Trưởng phòng Nội vụ
 2. Đ/c: Trần Công Định-P.Chánh Văn phòng-Trưởng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện
 3. Đ/c: Trương Thị Ngân-Công chức Văn phòng-Thống kê thị trấn Nga Sơn
 4. Đ/c: Bùi Văn Đan- Công chức Văn phòng-Thống kê UBND xã Nga Thành
- Trên đây là báo cáo sơ kết thực hiện cải cách hành chính giai đoạn I(2011-2015) và đề xuất phương hướng nhiệm vụ CCHC giai đoạn II(2016-2020) của huyện Nga Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để B/c);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, NV.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Quyết

PHỤ LỤC
Báo cáo sơ kết cải cách hành chính giai đoạn I (2011-2015) của UBND huyện Nga Sơn
(Kèm theo Công văn số 315/SNV-CCHC ngày 07/4/2015)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1.	Số văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của đơn vị						
2.	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	28	20	11	7	27	
3.	Số lượng các hình thức tuyên truyền CCHC	6	5	7	7	7	
4.	Số mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	1	1	1	1	1	
5.	Số văn bản QPPL do đơn vị ban hành hoặc tham mưu ban hành hàng năm	101	125	137	141	139	
6.	Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh trong lĩnh vực phụ trách được rà soát, hệ thống hóa						
7.	Số văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế						
8.	Số văn bản đề nghị bãi bỏ, hủy bỏ						
9.	Số TTHC trong bộ TTHC của huyện	221	221	266	266	267	
10.	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng thông tin điện tử	221	221	266	266	267	
11.	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết	221	299	299	299	299	

	theo cơ chế một cửa						
12.	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						
13.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc	116	116	116	116	116	
14.	Số đơn vị hành chính cấp xã	27	27	27	27	27	
15.	Số đơn vị sự nghiệp công lập(đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	89	89	89	89	89	
16.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập						
17.	Tổng số biên chế của đơn vị	2421	2392	2381	2361	2349	
18.	Số lượng công chức cấp xã	282	285	291	287	287	
19.	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	323	326	337	422	422	
20.	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	478	375	401	572	253	
21.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị hàng năm	1	4	1	2	2	
22.	Số cán bộ công chức được bồi dưỡng tập huấn hàng năm	352	477	450	562	570	
23.	Số cơ quan hành chính, đơn vị trực thuộc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính						
24.	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm	91	91	91	91	91	
25.	Tỷ lệ số văn bản chính thức được trao đổi dưới dạng điện tử		2%	2%	2%	2%	
26.	Tỷ lệ công chức được cấp hộp	17%	17%	16,7%	16,9%	16,9%	

	thư điện tử						
27.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	1	1	1	1	1	
28.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng mạng nội bộ để trao đổi công việc	89	89	89	89	89	
29.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc có cổng thông tin điện tử		1	1	1	1	
30.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc có bản công bố ISO	1	1	1	1	1	
31.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1	3	3	3	3	
32.	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	27	27	27	27	27	
33.	Số cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt yêu cầu về cơ sở vật chất trang thiết bị theo quy định	61	61	93	93	98	
34.	Số cơ quan hành chính cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất trang thiết bị theo quy định	4	5	7	8	9	
35.	Đơn vị thực hiện mô hình một cửa có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại	7	8	10	11	11	

